TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨNG HOÀ – TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HSST
Ngày: 07/02/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HOÀ – TP. HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm pH2 - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đình Kiến
Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Hạ Tuấn
+ Ông Đặng Viết Côi

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tH2g 02 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ứng Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2018/HSST ngày 17/01/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HS ngày 25/01/2018 đối với các bị cáo:

1. Vương Văn T - sinh năm 1990, Nơi sinh và nơi cư trú: thôn TA, thị trấn VĐ, huyện UH, TP. Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Văn H và bà Nguyễn Thị H1; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: Ngày 18/7/2017, bị Chủ tịch UBND thị trấn VĐ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường thời hạn 06 tH2g, kể từ ngày 18/7/2017; Nhân thân: + Năm 2017 bị TAND quận Đống Đa, TP. Hà Nội xử phạt 02 năm tù về tội "*Cướp giật tài sản*"; + Năm 2009 bị TAND huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội xử phạt 01 năm tù về tội "*Trộm cắp tài sản*"; + Năm 2011 bị TAND huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội xử phạt 03 năm tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/02/2014. Bị bắt quả tang, bị tạm giam giữ từ ngày 11/11/2017 đến nay. Có mặt theo lệnh trích xuất.

2**. Trịnh Thị L -** sinh năm 1991, Nơi sinh và nơi cư trú: thôn TA, thị trấn VĐ, huyện UH, TP. Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con

ông Trịnh Văn H2 và bà Tưởng Thị N; chưa có chồng, có 01 con (SN 2011); tiền án, tiền sự: không; Bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 11/11/2017 đến ngày 20/11/2017 được tại ngoại. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo L:* Ông Nguyễn Ngọc Cường – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước TP. Hà Nội (Có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo L*: Ông Trịnh Văn H2 - sinh năm 1954
Trú tại: TA, VĐ, UH, Hà Nội (Bố đẻ - có mặt).

- *Người bị hại:* Ông Nguyễn Trọng Th– sinh năm 1970
Trú tại: thôn NH, xã LH, huyện UH, Hà Nội (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Trần Văn T1 – sinh năm 1967
Trú tại: thôn PLT, xã PL, huyện UH, TP. Hà Nội (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 10/11/2017, Vương Văn T và Trịnh Thị L đến nhà nghỉ Sao Mai ở xã HP, huyện UH tâm sự và ngủ. Đến khoảng 08 giờ ngày hôm sau, khi ngủ dậy, T bảo L "*Vợ ơi hết tiền tiêu rồi, tý nữa anh lai em, mình đi tìm nơi trộm đồ*", L nói "*ừ*", T bảo L "*Nếu có đi ăn trộm mà bị bắt thì em cứ nhận hết, đừng khai ra anh thì em sẽ được về*", L nói "*ừ*". T thanh toán tiền phòng rồi điều khiển xe máy Draem màu nâu không biển kiểm soát chở L đi về phía chợ Dầu - Đội Bình rồi đi lòng vòng tìm xem có ai để tài sản sơ hở để trộm cắp. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi qua nhà ông Nguyễn Trọng Th thôn NH, xã LH, huyện UH thấy cổng nhà không khóa, trong sân để 02 chiếc xe máy. T dừng xe bảo L vào lấy, còn mình ở ngoài cảnh giới. L xuống xe mở cổng ngõ đi vào đến chỗ chiếc xe máy Wave BKS: 29Y3-21639 chìa khóa vẫn cắm ở ổ điện, rồi quay đầu xe ngồi lên yên mở khóa điện nổ máy điều khiển xe đi ra ngõ lên Quốc lộ 21B, còn T điều khiển xe Draem đi phía sau.

Cùng lúc, ông Th nghe thấy tiếng động ở ngoài sân, đi ra thì thấy L đang ngồi trên xe điều khiển ra ngõ thì lấy xe máy khác đuổi theo đến khu vực xóm 1, thôn PLT, xã PL, huyện UH thì đuổi kịp và chặn giữ được L. T thấy vậy, đi đến kéo L lên xe của mình rồi nói "*Con này bị điên, mọi người chấp làm gì*"; cả T và L đều bị Công an xã LH và người dân bắt giữ đưa về trụ sở công an xã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vật chứng thu giữ: - 01 xe máy hiệu Honda Wave màu đen bạc, BKS: 29Y3-216.39, số máy 1621398, số khung 546796; - 01 xe máy Draem không có BKS.

Kết luận định giá tài sản số 74 ngày 13/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện □ng Hoà xác định: xe máy Honda Wave BKS: 29Y3-216.39 đã qua sử dụng trị giá 8.500.000đ (*Tám triệu năm trăm nghìn đồng*).

Qúa trình điều tra L có biểu hiện tâm thần nên được trưng cầu giám định tâm thần. Kết luận giám định pháp y số 460/KLGĐ ngày 21/12/2017 của Viện pháp y tâm thần Trung Ương xác định: "*Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị can Trịnh thị L bị chậm phát tiểm tâm thần nhẹ. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F70. Tại các thời điểm trên bị can hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi*".

Ngày 20/11/2017, Cơ quan điều tra Công an huyện Ứng Hòa xử lý vật chứng trả lại ông Nguyễn Trọng Th xe máy Wave biển kiểm soát: 29Y3-216.39.

Bản cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 16/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa truy tố Vương Văn T và Trịnh Thị L về tội: "*Trộm cắp tài sản*" qui định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng: - Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của BLHS 1999 xử phạt Vương Văn T từ 12 đến 15 tháng tù. - Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 1 Điều 138; điểm h, n, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 của BLHS 1999 xử phạt Trịnh Thị L từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Miễn hình phạt bổ sung cho cả hai bị cáo.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu đề nghị gì khác nên không xét. Đối với chiếc xe máy Draem không biểm kiểm soát, không rõ số khung, số máy do T điều khiển là của L mua của người bán đồng nát không có giấy tờ cần tịch thu sung quĩ Nhà nước. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng. Người bào chữa và người đại diện hợp pháp của bị cáo L đều nhất trí với nội dung cáo trạng và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát; tuy nhiên, cả hai đều đều nghị HĐXX xem xét về tình trạng bệnh lý, khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của bị cáo có phần hạn chế dẫn đến việc phạm tội, xem xét nhân thân, hoàn cảnh bản thân và gia đình là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị tuyên phạt bị cáo dưới mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thực hiện và áp dụng pháp luật: Qúa trình tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đều thực hiện đúng, đầy đủ các qui định của pháp luật. Tại thời điểm xét xử, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 đều đã có hiệu lực thi hành; do vậy, Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 được áp dụng để giải quyết.

Đối với Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung 2017 tuy đã có hiệu lực thi hành nhưng do hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo trong vụ án xảy ra trước 00 giờ ngày 01/01/2018; mặt khác, điều luật mới về tội danh và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự không có lợi cho bị cáo nên vẫn áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 (viết tắt: BLHS) để giải quyết.

[2] Qúa trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) có đủ căn cứ xác định: Lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, trưa ngày 11/11/2017, Vương Văn T và Trịnh Thị L đã lén lút trộm cắp 01 chiếc xe máy hiệu Honda Wave màu đen sám, biển kiểm soát 29Y3-216.39 của gia đình ông Nguyễn Trọng Th ở thôn NH, xã LH, huyện UH, TP. Hà Nội trị giá 8.500.000đ (*Tám triệu năm trăm nghìn đồng*) nên đều phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản*" qui định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS.

Bởi vậy, cáo trạng truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản pháp luật áp dụng như đã viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân, làm mất ổn định trật tự địa phương. Đáng lưu ý, về nhân thân bị cáo T đã 03 lần bị xét xử đều phải chấp hành hình phạt tù thì có 01 lần về ma túy, 02 lần về chiếm đoạt tài sản; lẽ ra, bị cáo phải coi đó là bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân; nhưng bị cáo không làm vậy, vẫn ham chơi, đua đòi, tiếp tục đưa mình vào tệ nạn xã hội, không chịu lao động kiếm tiền bằng chính sức lao động của mình, tiếp tục phạm tội chiếm đoạt tài sản trong thời gian đang phải chấp hành biện pháp giáo dục tại địa phương về ma túy, thể hiện thái độ bất chấp, coi thường pháp luật. Theo qui định của pháp luật các hình phạt trước đây của bị cáo đều đã được xóa án tích nhưng vẫn là căn cứ để xem xét về "nhân thân xấu" của bị cáo khi quyết định hình phạt. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi nhưng cố ý thực hiện.

[4] Xem xét động cơ, mục đích và vai trò phạm tội của các bị cáo thấy: T và L đều là người cùng địa phương, cùng chơi với nhau; T biết L là người có nhược điểm về thể chất và tinh thần, đã lợi dụng điểm này của L để chỉ đạo L trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, tài sản chiếm đoạt được thì cùng hưởng lợi nhưng lại tránh được hậu quả pháp lý cho bản thân. Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, T là người "*Chủ mưu, cầm đầu*" giữ vai trò chính, còn L với vai trò là người "*Thực hành*".

[5] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng; quá trình điều tra các bị cáo đều thành

khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS; tuy nhiên, bị cáo T chỉ được hưởng tình tiết "*thành khẩn khai báo*" mà không được hưởng tình tiết "*ăn năn hối cải*". Căn cứ vào kết luận giám định tâm thần và giấy xác nhận người khuyết tật của địa phương đối với bị cáo L thì bị cáo phạm tội khi đang có bệnh bị hạn chế về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; hàng tháng bị cáo đều được hưởng tiền trợ cấp xã hội; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy, ý kiến, đề nghị của người bào chữa và người đại diện theo pháp luật của bị cáo là có căn cứ nên được chấp nhận, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm h và n khoản 1 Điều 46 của BLHS.

[6] Xem xét hoàn cảnh bản thân và gia đình các bị cáo thấy: Bị cáo T là đối tượng nghiện ma túy, không có công việc và thu nhập, chưa có vợ con, vẫn sống phụ thuộc gia đình; bị cáo L bị hạn chế về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, không biết làm ăn gì, không có chồng nhưng có 01 con trai sinh năm 2011, hiện cả hai mẹ con vẫn sống phụ thuộc gia đình.

[7] Căn cứ tính chất, vai trò, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân, hoàn cảnh bản thân của các bị cáo HĐXX thấy cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt. Đối với bị cáo L chỉ cần áp dụng hình phạt tù có điều kiện qui định tại Điều 60 của BLHS là thỏa đáng; đồng thời miễn hình phạt bổ sung cho cả hai bị cáo để các bị cáo yên tâm cải tạo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước đối với người phạm tội.

[8] Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Qúa trình điều tra người bị hại (ông Nguyễn Trọng Th) đã nhận lại tài sản của gia đình là chiếc xe máy bị mất trộm và không có yêu cầu, đề nghị gì khác nên HĐXX không xét. Đối với chiếc xe máy Draem màu nâu không biển kiểm soát không rõ số khung, số máy do T điều khiển làm phương tiện thực hiện tội phạm bị thu giữ; trước đó L mua lại của một người đồng nát không có giấy tờ rồi giao cho T sử dụng. Xe này là phương tiện phạm tội và không được phép lưu hành, cần tịch thu hóa giá sung quĩ Nhà nước.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo, Người bào chữa và Người đại diện hợp pháp của bị cáo L, Người bị hại được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Vương Văn T và Trịnh Thị L (tên gọi khác: Trịnh Bích L) phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009), xử phạt Vương Văn T 20 (Hai mươi) tháng tù; thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/11/2017. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, n, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009), xử phạt Trịnh Thị L (Trịnh Bích L) 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án (07/02/2018). Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Giao bị cáo L cho UBND thị trấn VĐ, huyện UH, TP. Hà Nội quản lý giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng:

Xác nhận việc người bị hại ông Nguyễn Trọng Th đã nhận lại chiếc xe máy Wave biển kiểm soát: 29Y3-216.39 bị mất và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu hóa giá sung quĩ Nhà nước xe máy Draem màu nâu không biển kiểm soát, không rõ số khung số máy là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội của các bị cáo (*Tình trạng, đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa ngày 24/01/2018*).

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Toà án, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người bào chữa và người đại diện hợp pháp của bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PH2 – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Kiến

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- CA, VKS, THADS H.Ứng Hoà;
- Bị cáo, Người bào chữa cho BC;
- Người ĐDHP của BC;
- Người bị hại;
- Lưu HS, VP.